

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2023/DS-ST
Ngày: 28-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Thum và ông Nguyễn Văn Cho.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2023/TLST-DS ngày 15/5/2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2023/QĐXXST-DS ngày 27/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2023/QĐST-DS ngày 15/8/2023, giữa các đương sự:

1- **Nguyên đơn:** Chị **Châu Thị Bích L**, sinh năm 1983; địa chỉ: **Ấp M, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang**.

2- **Bị đơn:** Anh **Trịnh Việt B**, sinh năm 1976 và chị **Huỳnh Thị K**, sinh năm 1978; địa chỉ: **Ấp M, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang**.

Người đại diện hợp pháp của anh B là: Chị **Huỳnh Thị K** (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/8/2023).

(Chị **L** và chị **K** có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Vợ chồng chị **K** và anh **B** có tham gia chơi hui do chị **L** làm chủ hui nhiều năm.

Ngày 26/12/2021 âm lịch, chị **L** mở dây hụi 5.000.000 đồng, mỗi tháng khui hụi 01 lần, có 22 phần hụi, chị **K** và anh **B** tham gia 01 phần. Khui hụi lần đầu tiên vợ chồng chị **K**, anh **B** hốt hụi, chị **L** giao đủ số tiền 78.400.000 đồng. Chị **K** và anh **B** đóng hụi chết đến tháng 12/2022 thì ngưng không đóng nữa.

Ngày 16/02/2022 âm lịch, chị **L** mở dây hụi 5.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần, có 26 phần hụi, chị **K** và anh **B** tham gia 01 phần. Khui hụi lần thứ hai thì chị **K** và anh **B** hốt hụi vào ngày 16/3/2022, chị **L** chung đủ số tiền 94.900.000 đồng. Chị **K** và anh **B** đóng hụi chết đến tháng 12/2022 thì ngưng không đóng nữa.

Ngày 06/9/2022 âm lịch, chị **L** mở dây hụi 5.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần, có 22 phần hụi, chị **K** và anh **B** tham gia 01 phần. Khui hụi lần thứ hai thì chị **K** và anh **B** hốt hụi vào ngày 06/10/2022, chị **L** chung đủ số tiền 74.300.000 đồng. Chị **K** và anh **B** đóng hụi chết đến tháng 12/2022 thì ngưng không đóng nữa.

Ngày 10/9/2022 âm lịch, chị **L** mở dây hụi 5.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần, có 22 phần hụi, chị **K** và anh **B** tham gia 01 phần. Khui hụi lần thứ nhất thì chị **K** và anh **B** hốt hụi vào ngày 10/9/2022, chị **L** chung đủ số tiền 79.400.000 đồng. Chị **K** và anh **B** đóng hụi chết đến tháng 12/2022 thì ngưng không đóng nữa.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2023, chị **L** yêu cầu chị **K** và anh **B** trả 301.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, chị **L** yêu cầu chị **K** và anh **B** trả số tiền hụi chị **L** đã góp thay cho chị **K**, anh **B** đến tháng 7/2023 âm lịch là 136.000.000 đồng. Rút yêu cầu đối với số tiền hụi chưa đến kỳ đóng là 165.000.000 đồng.

- *Bị đơn trình bày:* Thừa nhận số tiền hụi còn nợ đến mãi là 301.000.000 đồng. Đồng ý trả số nợ này cho chị **L** nhưng hiện nay hoàn cảnh gặp khó khăn, không có khả năng trả một lần, yêu cầu được trả mỗi tháng 7.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

- *Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng và chấp hành nội quy phiên tòa. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền hụi đã đến kỳ đóng là 136.000.000 đồng, đình chỉ đối với yêu cầu đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị **L** có tổ chức chơi hội và làm chủ hội, chị **K** và anh **B** có tham gia thành viên, nay xảy ra tranh chấp nên xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*”.

[2] Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã giải thích các trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí, nhưng không ai thuộc trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí.

Anh **B** có văn bản ủy quyền cho chị **K** nên chị **K** là người đại diện theo ủy quyền của anh **B** theo Điều 138 của Bộ luật Dân sự.

[3] Các bên thống nhất số nợ hội chị **K** và anh **B** phải trả đến tháng 7/2023 âm lịch là 136.000.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện các bên thừa nhận nên căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chị **L** không cần phải chứng minh. Tuy nhiên, các bên không thỏa thuận được thời gian thanh toán, cụ thể: Chị **L** yêu cầu trả một lần số tiền chị **L** đã góp thay chị **K** và anh **B**; số tiền hội còn lại đóng theo kỳ hằng tháng như thỏa thuận của từng dây hội. Chị **K** và anh **B** cho rằng không có khả năng trả một lần, yêu cầu được trả mỗi tháng 7.000.000 đồng.

Theo quy định tại Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 quy định trách nhiệm của thành viên không góp phần hội như sau: Trường hợp đến kỳ góp hội mà các thành viên không góp hội hoặc góp không đầy đủ thì thành viên có trách nhiệm hoàn trả số tiền mà chủ hội đã góp thay cho thành viên và trả lãi đối với số tiền chậm góp hội theo quy định tại Điều 22 của Nghị định này.

Do đó, tính đến tháng 7/2023 âm lịch các bên thống nhất chị **L** đã góp thay cho chị **K** và anh **B** số tiền 136.000.000 đồng, nên chị **K** và anh **B** có nghĩa vụ trả lại cho chị **L** số tiền này. Lẽ ra chị **K** và anh **B** phải trả lãi theo quy định từ khi chị **L** góp hội thay nhưng chị **L** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Tại phiên tòa, chị **L** tự nguyện rút yêu cầu đối với số tiền 165.000.000 đồng, để cho chị **K** và anh **B** góp hằng tháng theo kỳ hội. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đã rút.

[5] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí

đối với nghĩa vụ phải thi hành là: 136.000.000 đồng x 5% = 6.800.000 đồng. Chị **L** không phải chịu án phí nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 138, 468, 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 16, 17, 22, 24, 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về “*họ, họ, họ, họ, họ*”; Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị **Châu Thị Bích L đối với anh **Trịnh Việt B** và chị **Huỳnh Thị K**. Buộc anh **B** và chị **Khôn c** liên đới trả cho chị **L** số tiền hồi đến tháng 7/2023 âm lịch là 136.000.000 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu đồng).**

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2- Án phí sơ thẩm:

Anh **Trịnh Việt B** và chị **Huỳnh Thị K** phải nộp án phí sơ thẩm là 6.800.000 (Sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho chị **Châu Thị Bích L** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.525.000 đồng (Bảy triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001258 ngày 09/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận